**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIUA HỌC KỲ I MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Phép nhân và phép chia các đa thức****(18 tiết)** | ***- Đa thức. Nhân, Chia đa thức cho đơn thức.***  | 1(TN1) |  | 2(TN2,TN3) |  |  | 2(TL 1a; TL 1c) |  |  | 17,5 |
| ***- Những hằng đẳng thức đáng nhớ.***  | 3( TN4; TN5,TN6) |  |  |  |  | 1(TL1b) |  |  | 12,5 |
| ***- Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức.*** |  |  |  |  |  | 3(TL 2a; TL 2b)(TL3) |  |  | 25 |
| **2** | **Tứ giác (18 tiết)** | ***- Tứ giác*** | 1(TN7) |  | 1(TN8) |  |  |  |  |  | 5 |
| ***- Đường trung bình của tam giác.đối xứng trục, đối xứng tâm*** | 1(TN9) |  | 1(TN10) |  |  |  |  |  | 5 |
| ***- Các tứ giác đặc biệt*** | 2(TN11;TN12) |  |  | 1(vẽ hình; TL 4a;) |  | (TL 4b) |  | (TL4c) | 35 |
| **Tổng** | 8 |  | 4 | 1 |  | 7 |  | 1 | 21 |
| **Tỉ lệ %** | 20 % |  | 10% | 15 % |  | 50 % |  | 5 % | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | 45 % |  55 % |  |

**BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIUA KỲ I MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
|  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **ĐẠI SỐ** |
| **1** | **Phép nhân và phép chia các đa thức** | ***- Đa thức. Nhân, Chia đa thức cho đơn thức.*** | ***Nhận biết:***– Nắm được quy tắc nhân,chia đơn thức với đa thức, đa thức với đa thức-Nắm được khi nào đơn thức A chia hết cho đơn thức B | 1(TN1) | ***2******(TN2,TN3)*** |  |  |
| ***Thông hiểu******-***-Nắm được khi nào đơn thức A chia hết cho đơn thức B |  | ***2******(TN2,TN3)*** |  |  |
| ***Vận dụng:***– Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong trường hợp đơn giản)  |  |  | 2(TL 1a; TL 1c) |  |
| ***- Những hằng đẳng thức đáng nhớ.*** | ***Nhận biết:***- Nhận biết được hằng đẳng các hằng đẳng thức đã học | (TN 4; TN 5,TN6) |  |  |  |
| ***Vận dụng:***Vận dụng các hằng đẳng thức đã học vào giải toán |  |  | ***1******TL1b*** |  |
| ***- Phân tích đa thức thành nhân tử bằng phương pháp dùng hằng đẳng thức.*** | ***Vận dụng:***- Vận dụng được hằng đăng thức để phân tích đa thức thành nhân tử ở dạng vận dụng trực tiếp hằng đẳng thức |  |  | 3(TL 2a; TL 2b,TL3) |  |
| **HÌNH HỌC** |
| **2** | **Tứ giác** | ***- Tứ giác*** | ***Nhận biết***– Nắm được định nghĩa tứ giác, tứ giác lồi, tổng các góc của tứ giác | 1TN7 |  |  |  |
| ***Thông hiểut:*** – Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tứ giác. |  | 1(TN8) |  |  |
| ***Đường trung bình của tam giác.đối xứng trục, đối xứng tâm*** | ***Nhận biết:***- Nhận biết được định nghĩa đường trung bình của tam giác, định nghĩa hai điểm đối xứng qua một đường thẳng, qua một điểm | 1(TN9) |  |  |  |
| ***Thông hiểu***Biết cách tính độ dài đường trung bình của tam giác,của hình thang |  | 1TN10 |  |  |
| ***- Các tứ giác đặc biệt*** | ***Nhận biết:***- Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành- Nhận biết được định nghĩa về hình chữ nhật | 2(TN11; TN12) |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***- Giải thích được một tứ giác là hình chữ nhật dựa vào các dấu hiệu nhận biết về hình chữ nhật. - Giải thích được một tứ giác là hình thoi dựa vào các dấu hiệu nhận biết về hình thoi. |  | 1(vẽ hình; TL 4a) | 1(TL4b) | 1TL4c |